

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2024/DS-ST  
Ngày: 06/8/2024  
“V/v tranh chấp hợp đồng  
góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Thắng;  
2. Bà Lê Hiếu Xuyên.*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.*

Ngày 06 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977.*

*Địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Có mặt.*

*\* Bị đơn: Bà Lý Thị L1 (D), sinh năm 1988.*

*Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt.*

*\* Người làm chứng:*

*- Bà Trương Thị Tú U, sinh năm 1980;*

*Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.*

*- Bà Triệu Ngọc S, sinh năm 1972;*

*Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.*

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bà Trần Thị L2, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

(Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà có tham gia 01 dây hụi do bà Lý Thị L1 (Dòn) làm chủ hụi. Dây hụi khai ngày 16/11/2019, gồm có 30 phần, hụi 2.000.000đồng/ tháng, bà tham gia 01 phần, trong danh sách hụi bà tên là “2 C”. Dây hụi hoạt động được 11 tháng thì bất ngờ gián đoạn 01 tháng do bà L1 vắng mặt, sau đó hụi tiếp tục hoạt động thêm 03 tháng nữa thì ngưng đến nay. Tổng cộng, bà đóng được 14 lần với số tiền là 28.000.000đồng, hiện nay bà L1 chưa trả lại cho bà.

Do đó, bà yêu cầu bà Lý Thị L1 (D) có trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 28.000.000đồng (hai mươi tám triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

\* Bị đơn bà Lý Thị L1 (Dòn) đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng bà vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của bà.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2024, người làm chứng bà Trương Thị Tú U trình bày:* Bà không có quan hệ bà con gì với bà L, bà Đ, bà B và bà L1 (D) là chủ hụi chơi chung. Bà có tham gia 01 phần trong dây hụi ngày 16/11/2019, loại hụi 2.000.000đồng/ tháng. Trong sổ hụi bà tên là “B1”. Bà đóng được 14 lần thì bà L1 ngưng khai hụi. Trong quá trình tham gia chơi hụi, các hụi viên đóng tiền cho bà L1 (D) hoặc cho con của bà L1 không có ký nhận.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2024, người làm chứng bà Triệu Ngọc S trình bày:* Bà không có quan hệ bà con gì với bà L, bà Đ, bà B, bà chỉ chơi chung dây hụi do bà L1 làm chủ hụi. Bà có tham gia 01 phần trong dây hụi ngày 16/11/2019, loại hụi 2.000.000đồng/ tháng, gồm 30 phần. Trong sổ hụi bà tên là “5 D1” còn bà L, bà Đ và bà Bích c chung, tên trong sổ hụi của mấy bà, bà

không nhớ tên gì. Bà đã hốt và **bà L1 chủ hội giao cho bà** số tiền 14.000.000đồng.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2024, người làm chứng bà Nguyễn Thị K trình bày:* Bà không có quan hệ bà con gì với bà L, **bà Đ**, bà B, bà chỉ chơi hội chung. Bà có tham gia 01 phần trong dây hội ngày 16/11/2019, loại hội 2.000.000đồng/ tháng, gồm 30 phần. Trong sổ hội bà tên là “Chị K” còn bà L, bà Đ và bà Bích c chung, tên trong sổ hội của mấy bà, bà không nhớ tên gì. Bà đóng được 14 lần thì bà L1 ngưng khai hội. Còn 16 lần chưa hốt trong đó có bà L, bà Đ và bà B.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2024, người làm chứng bà Trần Thị L2 trình bày:* Bà không có quan hệ bà con gì với bà L, bà Đ, bà B, bà chỉ chơi hội chung. Bà có tham gia 01 phần trong dây hội ngày 16/11/2019, loại hội 2.000.000đồng/ tháng, gồm 30 phần. Trong sổ hội bà tên là “Lắm” còn bà **Đ là “Vào”, bà L là “2 C”** và bà B là “V”. Bà đóng được 14 lần thì bà L1 ngưng khai hội. Còn 16 lần chưa hốt, trong đó **có bà L, bà Đ** và bà B.

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2024, người làm chứng bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày:* Bà không có quan hệ bà con gì với **bà L, bà Đ**, bà B, bà chỉ chơi hội chung. Bà có tham gia 02 phần trong dây hội ngày 16/11/2019, loại hội 2.000.000đồng/ tháng, gồm 30 phần. Trong sổ hội bà tên là “Mum” **còn bà Đ là “Vào”, bà L là “2 C”** và bà B là “5 V”. Bà đóng được 14 lần thì bà L1 ngưng khai hội. Còn 16 lần chưa hốt trong đó có **bà L, bà Đ** và bà B.

#### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn bà L trình bày số tiền thực tế bà đóng hội cho bà L1 là 14 lần, tương ứng số tiền 14.000.000đồng. Do đó, bà yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lời hội 14.000.000đồng.

Bà L1 vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

#### **Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L1 trả cho bà L số tiền nợ hội là 14.000.000đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bị đơn trả số tiền 14.000.000đồng. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.



## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng hội được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Lý Thị L1 (Dòn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà L1.

[1.3] Tại phiên tòa nguyên đơn bà L tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.000.000đồng, chỉ yêu cầu bà L1 (D) trả cho bà số tiền 14.000.000đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng hội:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đã cung cấp cho Tòa án sổ hội trong đó thể hiện dây hội 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 16/11/2019, có 30 phần, bà L chơi 01 phần với tên gọi là “2 C”. Dù sổ hội không có tên chủ hội nhưng qua thẩm tra thì lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với lời trình bày của người làm chứng cùng tham gia chơi hội chung, có cơ sở xác định giữa bà L và bà L1 (D) có xác lập hợp đồng hội, loại hội có lãi và hội hưởng hoa hồng, bà L1 (D) là chủ hội, bà L là hội viên. Hợp đồng hội này của bà L và bà L1 (D), là giữa những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại Điều 3 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L:

Nguyên đơn bà L khẳng định đã đóng đầy đủ 14 lần hội sống cho chủ hội bà L1 (D) với tổng số tiền là 14.000.000đồng, chưa được hốt hội thì bà L1 (Dòn) đã ngưng khai hội nhưng không cung cấp được biên nhận giao hội hay biên nhận nợ hội để chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy

lời khai của của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với lời khai của người làm chứng cũng như tập quán tổ chức chơi hội ở địa phương bởi lẽ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì H là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người nên việc bắt buộc nguyên đơn phải cung cấp chứng cứ là các biên nhận giao tiền hội, biên nhận nợ hội khi các thành viên hội, chủ hội không có thỏa thuận về việc lập biên nhận mỗi lần giao nhận tiền hội là không thể. Bên cạnh đó, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn bà L1 (Dòn) không có ý kiến gì đối với yêu cầu và chứng cứ của bà L đưa ra nên việc bà L1 (D) có nợ bà L số tiền hội là 14.000.000đồng là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là việc không cần phải chứng minh.

Xét thấy, bà L1 (D) là chủ hội sau khi thu tiền hội của hội viên đã tự ý ngưng khai hội, trốn tránh trách nhiệm của chủ hội. Do đó, việc bà L khởi kiện yêu cầu bà L1 (D) trả số tiền 14.000.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy số tiền nợ hội bị đơn bà L1 (D) phải trả cho bà L là 14.000.000đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Các Điều 147, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 280 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 15 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

**Tuyên xử:**

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền hội 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng).

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn bà Lý Thị L1 (D):

Buộc bị đơn bà Lý Thị L1 (D) có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hội là 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

\* Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lý Thị L1 (D) phải nộp 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí nên được nhận lại 700.000đồng (bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013453 ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

## **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**Mai Thị Vân**